BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B16QNH

TÊN HỌC PHẦN: THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG — ĐỢT HỌC 8
MÃ HỌC PHẦN : BNK_413 — TÍN CHỈ 2
Ngày thi: 16/09/2012 — LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					10		10		25				55	100		
1	162330740	Võ Anh	Kha	B16QNH	9		8.4		7.7				8.8	8.5	Tám phẩy Năm	
2	162350483	Nguyễn Hoài	Nam	B16QNH	8		7		7.5				7.1	7.3	Bảy phẩy Ba	
3	162520530	Lê Phan Thùy	An	B16QNH	10		7.7		7				7.3	7.5	Bảy phẩy Năm	
4	162520531	Hoàng Kim	Anh	B16QNH	8		5.6		7.5				8.8	8.1	Tám phẩy Một	
5	162520533	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	B16QNH	8		6.7		7				9.1	8.2	Tám phẩy Hai	
6	162520534	Phạm Thị Vân	Anh	B16QNH	10		9.7		7				8.8	8.6	Tám phẩy Sáu	
7	162520535	Phan Thị Nhật	Anh	B16QNH	10		10		7.5				9.4	9.0	Chín	
8	162520536	Nguyễn Thị Hoài	Ân	B16QNH	0		0		0				HP	0.0	Không	
9	162520538	Phạm Xuân	Bình	B16QNH	10		9.4		7				8.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
10	162520539	Nguyễn Thị Cẩm	Châu	B16QNH	10		4.5		8				8.8	8.3	Tám phẩy Ba	
11	162520540	Lê Thị Ngọc	Diễm	B16QNH	8		4		6				6.8	6.4	Sáu phẩy Bốn	
12	162520541	Nguyễn Thị	Diệp	B16QNH	10		5		7				7.6	7.4	Bảy phẩy Bốn	
13	162520542	Trương Thị Thùy	Diệu	B16QNH	10		7.4		7.7				7.6	7.8	Bảy phẩy Tám	
14	162520544	Đoàn Thị Hồng	Dung	B16QNH	10		8.8		7.5				7.3	7.8	Bảy phẩy Tám	
15	162520546	Phan Vũ Lê	Dung	B16QNH	9		6.9		6.8				8.5	8.0	Tám	
16	162520547	Dương Sỹ	Dũng	B16QNH	10		9.4		8				9.1	8.9	Tám phẩy Chín	
17	162520548	Nguyễn Thị Thanh	Duyên	B16QNH	10		6.2		8				8.5	8.3	Tám phẩy Ba	
18	162520549	Bùi Thanh Thùy	Dương	B16QNH	10		6.2		7				7.1	7.3	Bảy phẩy Ba	
19	162520550	Phan Thành	Đạt	B16QNH	10		9		8				8.5	8.6	Tám phẩy Sáu	
20	162520552	Hoàng Thị Thanh	Hà	B16QNH	9		4		5				2.4	0.0	Không	
21	162520553	Nguyễn Thị Hồng	Hà	B16QNH	10		6.2		7.5				8.5	8.2	Tám phẩy Hai	
22	162520556	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	B16QNH	0		0		0				HP	0.0	Không	
23	162520557	Bùi Huy	Hằng	B16QNH	10		4.5		6				4.4	5.4	Năm phẩy Bốn	
24	162520558	Ngô Thị Ngọc	Hằng	B16QNH	0		0		0				HP	0.0	Không	
25	162520559	Phan Thị Thúy	Hằng	B16QNH	10		7		7.5				5.3	6.5	Sáu phẩy Năm	
26	162520562	Nguyễn Thị Diệu	Hiền	B16QNH	9		5.7		6.8				7.4	7.2	Bảy phẩy Hai	
27	162520564	Ngô Quang	Hòa	B16QNH	10		8.5		7.5				8.5	8.4	Tám phẩy Bốn	
28	162520568	Phan Thị Kiều	Huyên	B16QNH	10		7.1		7.5				6.2	7.0	Bảy	
29	162520569	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	B16QNH	9		0		6.5				7	6.4	Sáu phẩy Bốn	
30	162520570	Trần Thị Thu	Huyền	B16QNH	10		9.1		8				6.5	7.5	Bảy phẩy Năm	
31	162520571	Phan Thanh	Huyền	B16QNH	9		4.2		7.2				8.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
32	162520573	Phạm Nguyễn Đăng	Hưng	B16QNH	8		6.7		7				9.1	8.2	Tám phẩy Hai	
33	162520574	Trần Anh	Hướng	B16QNH	10		10		8.5				8.8	9.0	Chín	
34	162520575	Phạm Thị Kim	Khánh	B16QNH	8		5.6		7				8.1	7.6	Bảy phẩy Sáu	
35	162520577	Hoàng Thị	Linh	B16QNH	9		8.8		7				8.2	8.0	Tám	
36	162520578	Nguyễn Thùy	Linh	B16QNH	8		6.6		6.2				6.1	6.4	Sáu phẩy Bốn	
37	162520579	Đoàn Thanh Xuân	Loan	B16QNH	10		5.7		7.7				8.5	8.2	Tám phẩy Hai	
38	162520581	Nguyễn Quốc	Long	B16QNH	8		7.6		7.8				8.6	8.2	Tám phẩy Hai	
39	162520582	Nguyễn Thị Diễm	Ly	B16QNH	9		6.5		7				9.4	8.5	Tám phẩy Năm	
40	162520584	Trần Đỗ Ánh	Ly	B16QNH	0		0		0				HP	0.0	Không	
41	162520585	Phạm Thị Quỳnh	My	B16QNH	9		4.5		6.2				8.5	7.6	Bảy phẩy Sáu	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B16QNH

TÊN HỌC PHẦN: THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG — ĐỢT HỌC 8
MÃ HỌC PHẦN : BNK_413 — TÍN CHỈ 2
Ngày thi: 16/09/2012 — LẦN THI 1

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					10		10		25				55	100		
42	162520586	Trần Thành	Nam	B16QNH	10		7.3		7.2				8.5	8.2	Tám phẩy Hai	
43	162520587	Nguyễn Thị	Nga	B16QNH	10		4.2		6.5				7.3	7.1	Bảy phẩy Một	
44	162520588	Phạm Thị Yến	Nga	B16QNH	10		6.5		7				8.6	8.1	Tám phẩy Một	
45	162520589	Bạch Thị Kim	Ngân	B16QNH	10		7		7.7				8.6	8.4	Tám phẩy Bốn	
46	162520590	Cao Thái Trang	Ngân	B16QNH	9		4.5		7				6.3	6.6	Sáu phẩy Sáu	
47	162520591	Lê Thị Hồng	Ngân	B16QNH	10		4.1		7				7.7	7.4	Bảy phẩy Bốn	
48	162520592	Trang Thục Hà	Ngân	B16QNH	10		8.1		7.2				7.4	7.7	Bảy phẩy Bảy	
49	162520594	Trịnh Thị Thảo	Nguyên	B16QNH	10		6.3		7				9.1	8.4	Tám phẩy Bốn	
50	162520596	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn	B16QNH	10		8.8		7				8.8	8.5	Tám phẩy Năm	
51	162520597	Trần Thị Kiều	Oanh	B16QNH	10		7.4		7.3				8.8	8.4	Tám phẩy Bốn	
52	162520599	Nguyễn Thị	Phượng	B16QNH	10		9.5		7.5				8.2	8.3	Tám phẩy Ba	
53	162520600	Lê Phạm Vương	Quỳnh	B16QNH	10		7.1		7				7.9	7.8	Bảy phẩy Tám	
54	162520601	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	B16QNH	9		6.2		8				8.8	8.4	Tám phẩy Bốn	
55	162520603	Mai Thị	Tâm	B16QNH	10		5.6		6.2				8.8	8.0	Tám	
56	162520604	Nguyễn Thị Minh	Tâm	B16QNH	10		5.7		6.2				6.9	6.9	Sáu phẩy Chín	
57	162520611	Thái Thị Xuân	Thảo	B16QNH	9		5.1		7.5				4.5	5.8	Năm phẩy Tám	
58	162520612	Trần Lê Thị Minh	Thảo	B16QNH	0		0		0				HP	0.0	Không	
59	162520613	Phạm Thị	Thi	B16QNH	10		8.6		7.8				6.6	7.4	Bảy phẩy Bốn	
60	162520614	Phạm Đức	Thọ	B16QNH	10		7.1		7.5				8.8	8.4	Tám phẩy Bốn	
61	162520617	Huỳnh Thị Song	Thu	B16QNH	10		8.8		7.5				8.8	8.6	Tám phẩy Sáu	
62	162520618	Lê Hồng Dạ Hạ	Thu	B16QNH	9		7		8				7.9	7.9	Bảy phẩy Chín	
63	162520620	Lê Thị Hà	Thu	B16QNH	10		7.5		7				8.5	8.2	Tám phẩy Hai	
64	162520622	Nguyễn Thị	Thủy	B16QNH	7		4.6		7				4.3	5.3	Năm phẩy Ba	
65	162520623	Nguyễn Thị Minh	Thủy	B16QNH	7		0		4.5				7.5	6.0	Sáu	
66	162520625	Võ Thị	Thủy	B16QNH	10		7.4		7				8.8	8.3	Tám phẩy Ba	
67	162520626	Bùi Thị	Thúy	B16QNH	9		4.4		7.5				5.8	6.4	Sáu phẩy Bốn	
68	162520628	Bùi Minh	Thương	B16QNH	9		6.3		6				6.4	6.6	Sáu phẩy Sáu	
69	162520629	Nguyễn Thị Hoài	Thương	B16QNH	0		0		0				HP	0.0	Không	
70	162520632	Trần Thị	Trâm	B16QNH	10		5.5		6.8				5.8	6.4	Sáu phẩy Bốn	
71	162520633	Lê Bảo	Trân	B16QNH	9		5.5		7				7.9	7.5	Bảy phẩy Năm	
72	162520635	Nguyễn Viết Nhật	Trường	B16QNH	0		0		0				HP	0.0	Không	
73	162520636	Nguyễn Thị Cẩm	Tú	B16QNH	10		4.8		6.5				8.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
74	162520637	Trần Thị Ánh	Tuyết	B16QNH	9		4.3		7				8.5	7.8	Bảy phẩy Tám	
75	162520638	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	B16QNH	10		6.4		7.5				8.5	8.2	Tám phẩy Hai	
76	162520639	Tôn Nữ Phúc	Uyên	B16QNH	10		6.5		7				9.4	8.6	Tám phẩy Sáu	
77	162520641	Nguyễn Phạm Tường	Vi	B16QNH	8		4.3		7				3.3	0.0	Không	
78	162520642	Trần Thái	Vi	B16QNH	9		6.5		7.2				6.9	7.1	Bảy phẩy Một	
79	162520643	Trần Thị Hạnh	Vi	B16QNH	9		4.8		7				6.4	6.7	Sáu phẩy Bảy	
80	162520644	Vĩnh Huyền Hồng	Vi	B16QNH	9		5.7		7.7				8.2	7.9	Bảy phẩy Chín	
81	162520645	Nguyễn Thanh	Vinh	B16QNH	9		6.3		7				7.4	7.4	Bảy phẩy Bốn	
82	162520646	Nguyễn Văn	Vinh	B16QNH	9		5.7		6.5				7.5	7.2	Bảy phẩy Hai	

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

ĐIỂM KẾT QUẢ HỌC TẬP KHOÁ B16QNH

TÊN HỌC PHẦN: THẨM ĐỊNH TÍN DỤNG — **ĐỢT HỌC 8**
MÃ HỌC PHẦN : BNK_413 — **TÍN CHỈ 2**
Ngày thi: 16/09/2012 — **LẦN THI 1**

STT	MSV	Họ và tên		Lớp	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP (%)									ĐIỂM TỔNG KẾT		Ghi chú
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ	
					10		10		25				55	100		
83	**162520647**	Nguyễn Hữu	**Vũ**	**B16QNH**	9		5.5		7.5				7.9	**7.7**	*Bảy phẩy Bảy*	
84	**162520648**	Nguyễn Thụy Huyền	**Vy**	**B16QNH**	9		8.4		7				8.5	**8.2**	*Tám phẩy Hai*	
85	**162520651**	Hoàng Nguyễn Như	**Ý**	**B16QNH**	10		5.1		6.5				7.6	**7.3**	*Bảy phẩy Ba*	
86	**162520652**	Trương Hải	**Yến**	**B16QNH**	10		7.1		7				8.8	**8.3**	*Tám phẩy Ba*	
1	**142527276**	Huỳnh Thị Kim	**Thuận**	**B14QNH**	9		7.4		7				9.1	**8.4**	*Tám phẩy Bốn*	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SL	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	78	90%	
2	Số sinh viên nợ	9	10%	
TỔNG CỘNG :		**87**	**100%**	

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 09 năm 2012

LẬP BẢNG	KIỂM TRA	GIÁM ĐỐC TT ĐÀO TẠO BẰNG 2	PHÒNG ĐÀO TẠO ĐH & SAU ĐH
	(ký và ghi rõ họ tên)	*(ký và ghi rõ họ tên)*	*(ký và ghi rõ họ tên)*
Nguyễn T K Phượng	**Phạm Hồng Phương**	**Hồ Hà Đông**	**ThS. Nguyễn Hữu Phú**